

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý II năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.146.977.675.278	2.550.324.593.283
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	540.511.054.360	516.375.213.095
1. Tiền	111		460.473.516.916	380.430.405.102
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.037.537.444	135.944.807.993
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		582.751.806.735	670.216.981.989
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	689.063.039.506	864.902.581.515
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(106.311.232.771)	(194.685.599.526)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		767.000.791.820	1.073.326.479.328
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	342.455.963.596	335.833.245.035
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	231.917.340.199	209.664.290.726
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	207.301.294.257	533.448.645.815
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(14.673.806.232)	(5.619.702.248)
IV. Hàng tồn kho	140		77.054.126.150	86.253.938.991
1. Hàng tồn kho	141	V.7	77.054.126.150	86.253.938.991
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		179.659.896.213	204.151.979.881
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	27.094.541.854	26.222.133.214
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		17.599.944.337	16.651.990.374
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	2.115.502.142	23.172.863.016
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	132.849.907.880	138.104.993.276

Cho quý II năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.504.200.658.282	4.318.574.956.254
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.000.000.000	37.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.11	37.000.000.000	37.000.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.380.846.722.702	1.996.434.126.941
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	1.676.579.689.419	1.822.529.900.234
Nguyên giá	222		2.685.868.905.675	2.797.717.624.829
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.009.289.216.256)	(975.187.724.595)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	44.803.910.517	45.758.048.508
Nguyên giá	228		51.623.383.431	51.656.195.174
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.819.472.914)	(5.898.146.666)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	659.463.122.766	128.146.178.199
III. Bất động sản đầu tư	240	V.15	233.256.093.896	239.202.151.988
Nguyên giá	241		279.448.439.795	279.448.439.795
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(46.192.345.899)	(40.246.287.807)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.565.868.232.938	1.733.691.273.485
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	1.318.794.211.293	1.301.418.098.200
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	297.811.943.094	470.202.571.094
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	(50.737.921.449)	(37.929.395.809)
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.072.986.824	18.394.206.309
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	7.922.473.736	12.599.391.855
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.20	22.084.689	3.739.436.055
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.21	2.128.428.399	2.055.378.399
VI. Lợi thế thương mại	269	V.22	277.156.621.922	293.853.197.532
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.651.178.333.560	6.868.899.549.538

Cho quý II năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.117.840.429.732	2.374.266.512.950
I. Nợ ngắn hạn	310		1.195.769.712.136	1.373.783.572.080
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.23	521.424.143.597	681.199.861.627
2. Phải trả người bán	312	V.24	268.290.237.338	265.486.612.018
3. Người mua trả tiền trước	313	V.25	11.891.312.728	2.493.573.335
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.26	16.213.280.745	20.102.581.281
5. Phải trả người lao động	315	V.27	11.946.696.261	27.281.667.393
6. Chi phí phải trả	316	V.28	33.734.821.336	37.797.367.211
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.29	323.962.285.403	318.306.907.796
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	3.106.407.889
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.30	8.306.934.728	18.008.593.529
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			-
II. Nợ dài hạn	330		922.070.717.596	1.000.482.940.870
1. Phải trả dài hạn người bán	331			-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.31	19.340.384.665	17.887.072.335
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.32	588.807.416.966	686.211.353.562
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		28.763.033.944	22.679.272.217
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		189.474.000	189.474.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.33	284.970.408.021	273.515.768.757
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.298.326.358.542	4.265.695.498.568
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.298.326.358.542	4.265.695.498.568
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.34	1.094.473.090.000	1.094.473.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.34	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.34	71.797.775.902	71.797.775.902
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.34	9.790.263.774	1.145.202.453

Cho quý II năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.34	4.511.710.559	4.511.710.559
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.34	29.429.404.912	29.429.404.912
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.34	27.702.972.351	29.202.972.352
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.34	589.146.666.644	563.660.867.991
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-
1. Nguồn kinh phí	432			-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.35	235.011.545.286	228.937.538.020
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.651.178.333.560	6.868.899.549.538

T.p Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2012



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1 TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ II NĂM 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II Năm 2012

	Chỉ tiêu	Quý II		Tích lũy đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	673.366.504.471	587.245.279.974	1.289.014.368.838	1.089.464.606.593
2	Các khoản giảm trừ	575.319.199		1.391.758.198	531.128.599
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	672.791.185.272	587.245.279.974	1.287.622.610.640	1.088.933.477.994
4	Giá vốn hàng bán	540.362.777.467	494.567.285.164	1.076.991.170.587	914.910.114.221
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	132.428.407.806	92.677.994.810	210.631.440.054	174.023.363.773
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21.852.291.318	41.794.341.468	76.370.115.252	138.139.589.238
7	Chi phí tài chính	71.312.439.326	124.284.429.017	101.174.530.627	191.397.194.292
	Trong đó :				
	- Chi phí lãi vay	38.102.973.691	42.875.372.610	78.061.485.423	76.051.678.387
8	Chi phí bán hàng	3.846.490.505	3.665.591.089	8.444.867.948	6.714.649.769
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	71.864.627.881	36.185.395.027	127.778.717.995	95.138.451.376
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.257.141.412	(29.663.078.855)	49.603.438.736	18.912.657.573
11	Thu nhập khác	125.994.103.537	24.084.793.296	126.910.338.698	32.343.174.478
12	Chi phí khác	111.783.341.865	12.371.386.632	112.486.640.016	14.761.760.297
13	Lợi nhuận khác	14.210.761.672	11.713.406.664	14.423.698.682	17.581.414.181
14	Lợi nhuận trước thuế	21.467.903.084	(17.949.672.191)	64.027.137.418	36.494.071.754
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.890.401.661	3.769.878.064	27.445.803.137	11.775.221.368
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				1.338.776.592
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.422.498.577)	(21.719.550.255)	36.581.334.281	23.380.073.795
17.1	Lãi sau thuế của cổ đông thiểu số	4.190.518.114	(325.086.648)	6.074.007.266	1.841.966.159
17.2	Lãi sau thuế của Công ty Gemadept	(6.613.016.692)	(21.394.463.606)	30.507.327.015	21.538.107.635
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(60)	(214)	279	215

T.p Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2012



Trương Như Nguyễn
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý II năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Tích lũy đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	64.027.137.418	36.494.071.754
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	101.108.420.724	102.627.986.059
- Các khoản dự phòng	03	(66.511.737.131)	73.939.745.076
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	8.935.602.118	(27.663.437.535)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(70.606.259.738)	(64.618.987.722)
- Chi phí lãi vay	06	78.504.465.143	76.051.678.387
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	115.457.628.534	196.831.056.019
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	106.883.287.931	(144.256.929.187)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9.199.812.841	(15.733.095.667)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	55.009.146.591	23.359.735.390
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.804.509.479	(26.135.424.945)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(81.678.245.343)	(81.135.996.787)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.523.747.990)	(7.088.881.441)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	80.953.568.886	172.924.120.064
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(76.789.267.598)	(171.282.149.391)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	206.316.693.332	(52.517.565.944)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(250.013.652.884)	(74.011.372.764)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	123.198.798.713	36.125.001.817
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.000.000.000)	(170.089.811.850)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	240.932.021.945	179.514.916.611
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(41.621.000.000)	(149.408.342.686)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	3.848.541.000	2.132.190.132
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	75.268.354.274	56.961.256.321
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	142.613.063.048	(118.776.162.419)

Cho quý II năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Tích lũy đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	547.507.299.978	477.923.046.052
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(803.850.768.291)	(421.811.487.669)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	(2.992.176.207)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(68.159.906.006)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(324.503.374.319)	53.119.382.176
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	24.426.382.061	(118.174.346.187)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	516.375.213.095	546.776.463.318
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(290.540.795)	6.090.391.492
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	540.511.054.360	434.692.508.623

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2012


Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

**1. Hình thức sở hữu vốn
của công ty mẹ**

: Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

: Khai thác cảng, logistics, bất động sản và trồng rừng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Tập đoàn kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- **KHAI THÁC CẢNG:** Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: Cảng Phước Long, Cảng Nam Hải, Cảng Dung Quất, Cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án Cảng Container Nam Hải- Đình Vũ, Cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và Cảng Gemadept Hoa Sen.
- **LOGISTICS:** Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Hàng hóa hàng không, v.v...
- **BẤT ĐỘNG SẢN:** Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm Cao ốc Gemadept, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp Gemadept tại Viêng Chăn – Lào.
- **TRỒNG RỪNG:** Trồng, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.

4. Tổng số các công ty con

:

19

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất

:

19

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Gemadep (Singapore) Ltd.	120 Lower Delta Road, #15-14/15 Cendex Centre, Singapore.	100,00 %	100,00 %
Gemadep (Malaysia) Ltd.	No.49B, Jalan Cungah, 42000 Port Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Lầu 22 Tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadep Dung Quất	Bến số 1 - Cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.	73,80%	73,80%
Công ty TNHH cảng Phước Long	Lầu 19 Tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH ISS - Gemadep	Số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51,00%	51,00%
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển - Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu, Việt Nam.	70,00%	70,00%
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadep Nhơn Hội	Số 98 Phạm Hùng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	55,00%	55,00%
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadep	Số 05-07 đường 3/2, phường 8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam.	51,00 %	51,00%
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadep	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadep	Số 142, đường Nguyễn Thông, phường 3, thị xã Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.	50,00%	50,00%
Công ty TNHH một thành viên Gemadep Hải Phòng	Số 452 Lê Thánh Tông, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ ^(*)	Khu phố 7, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	46,00%	54,00%
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Số 201, phường Máy Chai, đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	99,98%	99,98%
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Lầu 21 tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Dịch vụ Tín học Vĩ Tin	Lầu 2, Tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên Logistic Biển Sáng	Lầu 20, Tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	Lầu 19, Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	193C đường Mao Tse Toung, Phường Boeung Trakek, quận Chamcamon, thủ đô Phnompenh, Campuchia	100,00%	100,00%

- (*) Công ty cổ phần Gemadept nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ do Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Số 117 Lê Lợi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	45,00%	45,00%
Công ty MBN - GMD Việt Nam	Số 6 Lê Thánh Tôn, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Số 973 đường 30/4, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	26,78%	26,78%
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Số 72 đường 19/4, phường Xuân An, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	29,00%	29,00%
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Số 112 đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	38,02%	38,02%
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam	Lô J2, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, Bình Dương, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty TNHH Huynhdai Merchant Marine Việt Nam	Tầng 12, Tòa nhà Fideco, 81-85 Hàm Nghi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	A2 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	23,00%	23,00%
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Số 418 đường Quang Trung, phường La Khê, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	25,00%	25,00%
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Số 267 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	26,56%	26,56%
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, quận Chanthabouly, Thủ đô Viengchan, Lào.	40,00%	40,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. **Danh sách các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

<i>Tên cơ sở kinh doanh</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link	Xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	65,12%	40,12%

Công ty cổ phần Gemadept đã đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link với tỷ lệ lợi ích là 65,12 %. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý sẽ chuyển 25% cổ phiếu đầu tư trong công ty này sang một đối tác khác trong năm 2012. Điều này làm cho tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link là 40,12 %. Mặt khác Điều lệ của Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý thông qua. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link được xem là khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gemadept (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty

liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là đơn vị mà Tập đoàn cùng kiểm soát các hoạt động của nó với các bên khác theo thỏa thuận.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh lợi ích của Tập đoàn từ kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con và công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con và công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

7. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 25

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.10.

12. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi

nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của các công ty trong Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.10.

14. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo thời hạn thuê đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

17. Chi phí trả trước dài hạn

Lãi thuê tài chính

Tiền lãi thuê tài chính được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê tài chính.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng (chủ yếu là phụ tùng container, phụ tùng xe nâng, dây cáp thép, vỏ xe...) được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong 02 năm theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

Các chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí phần mềm kế toán, chi phí dịch vụ nạo vét bến phao và các chi phí dịch vụ khác được phân bổ theo thời hạn ghi trên hóa đơn, hợp đồng hoặc phân bổ từ 02 đến 03 năm.

18. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

19. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 01 - 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

20. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

21. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

22. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

24. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong năm. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:

31/12/2011	: 20.828 VND/USD
	: 29.688 VND/EUR
	: 16.031 VND/SGD
	: 6.570 VND/MYR
30/06/2012	: 20.828 VND/USD
	: 26.471 VND/EUR
	: 16.506 VND/SGD
	: 6.583 VND/MYR

25. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

26. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.12.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	26.565.020.331	19.032.497.614
Tiền gửi ngân hàng	431.395.269.028	360.973.704.297
Tiền đang chuyển	2.513.227.556	424.203.191
Các khoản tương đương tiền	80.037.537.444	135.944.807.993
Cộng	540.511.054.360	516.375.213.095

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	181.262.278.377	311.571.252.626
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link (xem thuyết minh V.16)	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	25.400.761.129	70.931.328.889
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	25.400.761.129	33.639.045.500
- Cho Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà vay	-	28.085.083.389
- Cho Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistic vay	-	4.207.200.000
- Cho Công ty Cảnh Động Xanh vay	-	5.000.000.000
Cộng	689.063.039.506	864.902.581.515

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	194.685.599.526
Hoàn nhập dự phòng	(88.374.366.755)
Số cuối quý	106.311.232.771

4. Phải thu khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	148.511.868.937	158.125.115.290
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	657.661.449	5.498.532.867
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	19.272.867.768	30.310.994.001
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	5.985.954.142	5.349.569.358
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	72.608.203.786	58.282.229.450
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	1.938.696.400	
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	45.827.049.434	30.757.842.368
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	2.358.918.054	918.389.206
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	15.013.496.020	21.729.933.337
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	5.639.040.419	23.593.774.820
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	23.093.465.444	116.358.690
Tại Công ty TNHH một thành viên logistic Biển Sáng	1.548.741.743	911.466.722
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương		239.038.926
Cộng	342.455.963.596	335.833.245.035

5. Trả trước cho người bán	Số cuối quý	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	74.162.392.052	74.165.772.038
Tại Công ty cổ phần cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất		18.177.300.492
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M		28.375.000
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	58.700.766.991	40.206.417.474
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	561.976.722	-
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	33.293.879.051	21.456.357.961
Tại Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	2.314.947.576	2.314.947.576
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	6.912.002.536	9.090.964.905
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	1.597.482.296	1.677.635.421
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	42.966.568.731	37.864.180.781
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	1.038.200.000	3.288.200.000
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	10.368.016.844	1.391.442.481
Tại Công ty TNHH một thành viên Logistic Biển Sáng	1.107.400	2.696.597
Cộng	231.917.340.199	209.664.290.726

6. Các khoản phải thu khác

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN nộp thừa	3.668.213	42.371.528
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	23.997.429.227	46.171.986.075
Phải thu từ các công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	55.581.913.598	375.265.145.680
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay, trái phiếu	586.370.158	26.537.861.281
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.200.000.000	3.300.000.000
Các khoản phải thu khác	123.931.913.061	82.131.281.251
Cộng	207.301.294.257	533.448.645.815
7. Hàng tồn kho		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	2.276.180.038	2.780.331.610
Phụ tùng thay thế	13.197.715.795	13.767.271.111
Nhiên liệu tồn trên tàu	22.351.310.243	50.843.895.486
Công cụ, dụng cụ	-	5.750.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39.228.920.074	18.856.690.784
Cộng	77.054.126.150	86.253.938.991
8. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa, bảo trì	7.845.657.016	14.964.213.834
Chi phí thuê dịch vụ	892.770.750	169.478.346
Công cụ, dụng cụ	4.299.875.367	3.786.625.660
Chi phí nhiên liệu	85.980.475	60.302.300
Chi phí bảo hiểm	1.483.779.079	2.042.981.042
Các chi phí khác	12.486.479.167	5.198.532.032
Cộng	27.094.541.854	26.222.133.214
9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	2.115.502.142	23.172.863.016
Cộng	2.115.502.142	23.172.863.016
10. Tài sản ngắn hạn khác		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Tạm ứng	46.836.980.351	41.892.349.592
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	83.031.871.768	96.198.095.034
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.981.055.761	14.548.650
Cộng	132.849.907.880	138.104.993.276
11. Phải thu dài hạn khác		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty TNHH Sông Hằng - góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ	18.000.000.000	18.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

		<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
tăng Đồng Dương - góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics					
Cộng		37.000.000.000		37.000.000.000	

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	468.103.722.899	362.957.025.847	1.906.190.534.430	23.768.989.770	36.697.351.883	2.797.717.624.829
Tăng trong năm	15.362.157.647	215.284.600	32.055.197.340	1.606.328.425		49.238.968.011
Giảm trong năm	(8.488.844.628)	(1.793.207.510)	(150.731.078.404)	(74.556.623)		(161.087.687.165)
Số cuối quý	474.977.035.918	361.379.102.937	1.787.514.653.366	25.300.761.572	36.697.351.883	2.685.868.905.675
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	79.683.121.042	168.514.692.591	701.513.222.598	17.944.328.788	7.532.359.577	975.187.724.595
Tăng trong năm	11.016.856.661	14.922.596.144	71.232.387.917	2.669.090.604	1.205.534.064	101.046.465.389
Giảm trong năm	(6.707.714.633)	(653.757.603)	(59.545.308.506)	(38.192.986)		(66.944.973.728)
Số cuối quý	83.992.263.070	182.783.531.132	713.200.302.008	20.575.226.406	8.737.893.641	1.009.289.216.256
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	388.420.601.857	194.442.333.256	1.204.677.311.833	5.824.660.982	29.164.992.306	1.822.529.900.234
Số cuối quý	390.984.772.848	178.595.571.805	1.074.314.351.356	4.725.535.166	27.959.458.242	1.676.579.689.419

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	39.643.458.865	12.012.736.309	51.656.195.174
Tăng trong kỳ		12.440.000	12.440.000
Giảm trong kỳ	-	(45.251.743)	(45.251.743)
Số cuối kỳ	39.643.458.865	11.979.924.566	51.623.383.431
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1403812824	4494333842	5.898.146.666
Tăng trong kỳ	233.968.804	732.609.187	966.577.991
Giảm trong kỳ	-	(45.251.743)	(45.251.743)
Số cuối kỳ	1.637.781.628	5.181.691.286	6.819.472.914
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	38.239.646.041	7.518.402.467	45.758.048.508
Số cuối kỳ	38.005.677.237	6.798.233.280	44.803.910.517

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh tăng trong kỳ</u>	<u>Phát sinh giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối quý</u>
Mua sắm TSCĐ	42.340.663.720			42.340.663.720
XDCB dở dang	85.805.514.479	536.331.866.715	(5.014.922.148)	617.122.459.046
Tổng cộng	128.146.178.199	536.331.866.715	(5.014.922.148)	659.463.122.766

15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	279.448.439.795	40.246.287.807	239.202.151.988
Khấu hao tăng trong năm	-	5.946.058.092	
Số cuối quý	279.448.439.795	46.192.345.899	233.256.093.896

Tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

6 tháng đầu năm 2012

Thu nhập từ việc cho thuê	41.301.505.284
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	13.417.956.867
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

<u>Tên công ty</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Số cuối quý</u> <u>Giá trị</u>
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	Kinh doanh nhà ở	45,00%	44.866.463.996
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Dịch vụ kho vận, ngoại quan	26,78%	11.917.091.653
Công ty MBN - GMD Việt Nam	Dịch vụ cho thuê kho	34,00%	7.383.622.056
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Sản xuất nước khoáng	29,00%	38.259.928.656
Công ty cổ phần du lịch Minh Dạm	Kinh doanh dịch vụ du lịch	40,00%	18.268.148.536
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Dịch vụ vận tải	38,02%	29.273.526.440
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	Dịch vụ Logistics	49,00%	-
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam	Dịch vụ vận tải	49,00%	8.203.685.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Dịch vụ giao nhận hàng	23,00%	78.406.920.351

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối quý	
		Tỷ lệ lợi ích	Giá trị
Gòn	hóa		
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Dịch vụ vận tải	25,00%	24.286.075.274
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	Dịch vụ vận tải	49,00%	13.860.185.883
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Chế biến thực phẩm	26,56%	46.816.312.040
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link ^(*)	Khai thác cảng	40,12%	928.203.655.772
Công ty TNHH Golden Globe	Xây dựng, cho thuê văn phòng	40,00%	39.298.595.636
Đầu tư vào công ty liên kết khác			29.750.000.000
Cộng			1.318.794.211.293

(*) Công ty cổ phần Gemadept đã đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link với tỷ lệ là 65,12 % vốn điều lệ. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý sẽ chuyển nhượng 25% cổ phần trong công ty này cho một đối tác khác trong năm 2012. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh" với tỷ lệ góp vốn là 40,12 % và khoản mục "Đầu tư ngắn hạn" với tỷ lệ góp vốn là 25% (xem thuyết minh V.2).

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	187.760.041.600	203.374.669.600
Tiền gửi có kỳ hạn trên 01 năm		140.900.000.000
Đầu tư dài hạn khác	110.051.901.494	125.927.901.494
Cộng	297.811.943.094	470.202.571.094

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	46.770.266.880	34.175.795.640
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	3.967.654.569	3.753.600.169
Cộng	50.737.921.449	37.929.395.809

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phần mềm kế toán	24.305.759	48.611.507
Chi phí thuê dịch vụ		287.375.000
Công cụ, dụng cụ	2.340.818.451	4.345.989.094
Chi phí sửa chữa tàu		3.785.191.740
Chi phí sửa chữa kho, văn phòng	306.831.590	498.951.967
Chi phí thiết kế		234.391.266
Chi phí trang trí nội thất	588.743.544	1.056.668.586
Chi phí nạo vét bến phao	1.298.614.546	1.756.949.091
Các chi phí khác	3.363.159.846	585.263.604
Cộng	7.922.473.736	12.599.391.855

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

21. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ký quỹ cho các nhà cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, thuê văn phòng	336.229.509	846.731.279
Ký quỹ cho các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	824.400.000	833.120.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	967.798.890	375.527.120
Cộng	2.128.428.399	2.055.378.399

22. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept và Công ty cổ phần cảng Nam Hải được xác định bằng chênh lệch giữa giá mua và giá trị hợp lý của tài sản thuần (giá định giá trị hợp lý của tài sản thuần bằng giá trị ghi sổ kế toán).

Nguyên giá

Số đầu năm 333.931.512.200

Tăng do hợp nhất kinh doanh -

Số cuối quý 333.931.512.200

Số đã phân bổ

Số đầu năm 40.078.314.668

Phân bổ trong năm 16.696.575.610

Số cuối quý 56.774.890.278

Giá trị còn lại

Số đầu năm 293.853.197.532

Số cuối quý 277.156.621.922

23. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	303.847.170.413	506.686.104.324
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	123.016.973.184	84.528.729.519
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	10.000.000.000	16.000.000.000
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	81.560.000.000	70.985.027.784
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	521.424.143.597	681.199.861.627

24. Phải trả người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	97.824.550.586	139.517.239.288
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	4.106.148.102	9.553.635.710
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	1.891.131.325	5.599.834.477
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	5.631.303.843	13.870.045.031

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	55.187.998.378	37.880.564.784
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	16.987.973	317.077.797
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	51.546.074.231	11.794.166.563
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	3.342.289.206	24.726.206
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	12.181.739.934	9.974.238.057
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	12.318.008.948	7.272.574.650
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	1.030.156.688	16.873.532.819
Tại Công ty cổ phần Logistic Biển Sáng	21.507.247.873	6.968.056.774
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	1.706.600.251	5.840.919.862
Cộng	268.290.237.338	265.486.612.018

25. Người mua trả tiền trước

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	9.923.451.401	2.171.913.947
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	143.519.900	54.397.652
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	24.702.057	47.085.963
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải		153.471.118
Tại Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín		9.200.000
Tại Công ty TNHH một thành viên logistic Biển Sáng	53.307.276	1.571.730
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100.924.670	55.932.925
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	1.645.407.424	
Cộng	11.891.312.728	2.493.573.335

26. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16.213.280.745	20.102.581.281
Cộng	16.213.280.745	20.102.581.281

27. Phải trả người lao động
Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng,... còn phải trả cho công nhân viên.

28. Chi phí phải trả

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	6.646.461.967	9.820.242.167
Chi phí luân chuyển hàng hoá	9.646.389.924	6.398.490.693

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí thuê tài sản	1.041.408.084	2.640.000.000
Chi phí thuê kho bãi, văn phòng		11.740.440
Cước lai đất	1.386.405.455	3.911.857.636
Chi phí sửa chữa	3.578.266.594	3.162.309.237
Chi phí nhiên liệu	65.597.274	4.810.910
Tiền thưởng		387.742.728
Chi phí hoa hồng	570.624.240	546.424.000
Chi phí khác	10.799.667.798	10.913.749.400
Cộng	33.734.821.336	37.797.367.211

29. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối quý	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	822.780.550	862.780.221
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.861.016.173	2.373.622.767
Cổ tức phải trả	22.110.488.161	73.315.614.098
Nhận ký quỹ, ký cược	10.552.709.062	12.891.058.022
Doanh thu chưa thực hiện	6.936.608.863	2.766.834.580
Tài sản thừa chờ xử lý	89.743.796	1.436.005.790
Các khoản phải trả khác	281.588.938.798	224.660.992.318
- Các khoản thu hộ phải trả	44.409.782.491	41.313.734.591
- Tiền bán hàng tại cảng biển phải trả ngân sách	1.716.241.909	1.811.146.204
- Công ty cổ phần đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh		27.200.000.000
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link - tiền mượn	120.853.141.332	120.853.141.332
- Ông Nguyễn Quốc Cường - tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	9.264.678.577	9.264.678.577
- Khoản phải trả của các công ty liên kết, hợp tác	84.692.706.303	5.243.220.369
- Các khoản phải trả khác	20.652.388.185	18.975.071.245
Cộng	323.962.285.403	318.306.907.796

30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số đầu năm	18.008.593.529
Chi quỹ	9.701.658.801	
Số cuối quý	8.306.934.728	

31. Phải trả dài hạn khác	Số cuối quý	Số đầu năm
Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	19.340.384.665	17.887.072.335

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	Số cuối quý 19.340.384.665	Số đầu năm 17.887.072.335
32. Vay và nợ dài hạn		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	247.285.714.286	251.562.781.286
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	56.687.133.510	139.076.838.306
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	218.475.725.982	218.475.725.982
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	10.748.500.087	14.028.500.087
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	55.610.343.101	63.067.507.901
Cộng	588.807.416.966	686.211.353.562
33. Doanh thu chưa thực hiện		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Lãi hoàn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	260.444.351.714	263.351.996.765
Doanh thu chưa thực hiện	24.526.056.307	10.163.771.992
Cộng	284.970.408.021	273.515.768.757
34. Vốn chủ sở hữu		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.094.473.090.000	1.094.473.090.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
Vốn khác của chủ sở hữu	71.797.775.902	71.797.775.902
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.790.263.774	1.145.202.453
Quỹ đầu tư phát triển	4.511.710.559	4.511.710.559
Quỹ dự phòng tài chính	29.429.404.912	29.429.404.912
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	27.702.972.351	29.202.972.352
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	589.146.666.644	563.660.867.991
Cổ phiếu		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	109.447.309	109.447.309
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	109.447.309	109.447.309
- Cổ phiếu phổ thông	109.447.309	109.447.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	109.447.309	109.447.309
- Cổ phiếu phổ thông	109.447.309	109.447.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Doanh thu dịch vụ khai thác cảng	358.509.050.717	291.031.014.359
Doanh thu hoạt động logistics (vận tải, đại lý, cho thuê phương tiện, khác...)	887.812.054.639	751.089.590.488
Doanh thu cho thuê văn phòng	41.301.505.284	46.812.873.147
Doanh thu thuần	1.287.622.610.640	1.088.933.477.994

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Giá vốn dịch vụ khai thác cảng	241.882.652.803	208.147.337.041
Giá vốn dịch vụ logistics (vận tải, đại lý, cho thuê phương tiện, khác...)	821.690.560.917	690.502.726.378
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	13.417.956.867	16.260.050.802
Cộng	1.076.991.170.587	914.910.114.221

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Cổ tức nhận được	7.892.924.429	7.198.947.711
Lãi tiền gửi ngân hàng	14.881.275.868	19.698.264.192
Lãi chênh lệch tỷ giá	17.004.976.369	70.897.089.456
Cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi liên doanh, liên kết	36.168.925.678	37.585.477.909
Doanh thu hoạt động tài chính khác	422.012.909	2.759.809.970
Cộng	76.370.115.252	138.139.589.238

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Chi phí lãi vay	78.061.485.423	76.051.678.387
Lỗ đầu tư chứng khoán	100.305.160.976	7.825.716.616
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.910.592.606	32.434.242.325
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn,		

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
dài hạn		73.473.510.286
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(86.231.947.134)	
Chi phí tài chính khác	129.238.756	1.612.046.678
Cộng	101.174.530.627	191.397.194.292
5. Chi phí bán hàng		
	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.172.380.454	3.219.787.007
Chi phí khác	6.272.487.494	3.494.862.762
Cộng	8.444.867.948	6.714.649.769
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Chi phí lương nhân viên quản lý	52.513.116.562	32.751.820.417
Chi phí vật liệu	1.037.225.757	850.957.098
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.579.400.529	6.084.708.784
Phân bổ lợi thế thương mại	19.939.101.610	16.696.575.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.978.109.247	24.260.001.946
Chi phí khác	22.731.764.290	14.494.387.521
Cộng	127.778.717.995	95.138.451.376
7. Thu nhập khác		
	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	125.252.082.173	27.624.110.908
Thu nhập khác	1.658.256.525	4.719.063.570
Cộng	126.910.338.698	32.343.174.478
8. Chi phí khác		
	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Chi phí khác	112.486.640.016	14.761.760.297
Cộng	112.486.640.016	14.761.760.297
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty Gemadept mẹ	30.507.327.015	21.538.107.635

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

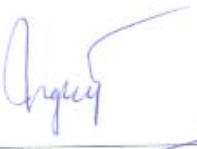
Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30.507.327.015	21.538.107.635
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	109.447.309	100.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	279	215

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	298.384.083.292	218.793.468.568
Chi phí nhân công	94.625.750.189	94.909.846.364
Chi phí khấu hao tài sản cố định	103.447.551.187	80.485.392.308
Chi phí dịch vụ mua ngoài	654.328.163.432	572.052.940.560
Chi phí khác	62.429.208.430	55.979.228.338
Cộng	1.213.214.756.530	1.022.220.876.139

T.p Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2012


Trương Như Nguyên
Người lập biểu
Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng
Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc